TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày 15-7-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thuận
2. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Văn Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Phương – Kiểm sát viên

Trong các ngày 14, 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Lệ L, sinh năm 1974.
Địa chỉ: tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.Có mặt
2. *Bị đơn*: Ông Cao Văn H1, sinh năm 1963.
Địa chỉ: tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.Có mặt
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1963.
Địa chỉ: tổ dân phố V, phường Phổ N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/03/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Lệ L trình bày: Vào ngày 06/7/2017, bà có cho ông Cao Văn H1 vay số tiền 150.000.000 đồng, ông H1 là người trực tiếp viết giấy mượn (vay) tiền cho bà tại quán cà phê Xưa thuộc thị trấn Đ (nay là phường Nguyễn N), sau đó bà chuyển tiền qua tài khoản của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam cho ông H1; mục đích ông H1 vay để lo cho gia đình nhưng lo cho ai, vào việc cụ thể gì bà không biết; tại giấy vay không ghi trả lãi, nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói trả lãi ban đầu là 6%/ tháng, sau đó ông H1 không có tiền trả nên hai bên thống nhất hạ lãi xuống còn 3%/tháng, rồi 1%/ tháng, nhưng ông H1 vẫn không trả lãi; tại giấy nợ ghi khi nào bà cần thì ông H1 trả. Từ khi vay cho đến nay, ông H1 không trả gốc và lãi cho bà như thỏa thuận. Sau khi vay thời hạn 01 tháng thì chồng của bà là ông Nguyễn Thanh H2 điện thoại, sau đó đến nhà ông H1 đòi tiền lãi, nhưng ông H1 vẫn không trả. Đến tháng 9/2017, ông H2 đến nhà ông H1 đòi nợ gốc và tiền lãi, nhưng ông H1 cứ hứa nhưng không chịu trả, trước khi khởi kiện bà có gửi cho ông H1 giấy đòi nợ, nhưng ông H1 bảo vợ chồng bà muốn đi kiện thì kiện. Khi vay ông H1 có giao cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 nói để làm tin, nếu ông không trả thì bà cứ lấy quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Văn H1 phải trả cho bà nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 9/2017 đến ngày 27/5/2020 với lãi suất theo quy định của Ngân hàng là 1%/tháng là 49.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu về trả lãi, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Văn H1 phải trả cho bà nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 13/3/2020 đến ngày 15/7/2020 với lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng bà, nên bà yêu cầu ông H1 trả nợ gốc và lãi cho vợ chồng bà.

Tại đơn trình bày ngày 13/5/2020, bản tự khai ngày 02/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Cao Văn H1 trình bày: Ông biết bà Trần Thị Lệ L cho vay tiền thông qua người khác giới thiệu; tổng cộng ông vay bà L 02 lần, cụ thể trước ngày 06/7/2017 khoảng từ 1 đến 2 tháng (thời gian cụ thể ông không nhớ) ông vay bà L 150.000.000 đồng không trả lãi, ông cho người khác vay lại rồi ông trả cho bà L. Đến ngày 06/7/2017, ông có tiếp tục viết giấy mượn (vay) tiền của bà Trần Thị Lệ L số tiền gốc 150.000.000 đồng, sau đó bà L chuyển tiền qua tài khoản của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam cho ông, tại giấy mượn tiền không có thỏa thuận về việc trả lãi suất. Tại giấy vay ghi thời hạn trả nợ khi nào bà L cần thì ông trả, mục đích vay ghi là lo việc gia đình, nhưng mục đích thực sự ông vay tiền là để cho người khác vay lại cũng không tính lãi; ông có giao cho bà L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Bà L có đến nhà ông đòi nợ nhiều lần và gửi cho ông giấy đòi nợ trong tháng 3/2020, nhưng ông chưa có tiền trả nên bà L mới khởi kiện. Hiện nay số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng chưa trả. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, ông đồng ý trả nhưng trả dần, còn tiền lãi ông không đồng ý trả. Vợ của ông chết từ năm 2008, hiện

ông đang sống độc thân; khoản nợ trên là nợ cá nhân của ông.

Tại đơn trình bày ngày 13/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H2 trình bày: Vào ngày 06/7/2017, vợ ông bà là bà Trần Thị Lệ L có cho ông Cao Văn H1 vay số tiền 150.000.000 đồng như vợ ông trình bày là đúng. Từ khi vay cho đến nay, ông H1 không trả gốc và lãi cho bà L1 như thỏa thuận. Sau khi vay 01 tháng thì ông có điện thoại, sau đó đến nhà ông H1 đòi tiền lãi, nhưng ông H1 vẫn không trả. Đến tháng 9/2017 (ngày không nhớ), ông đến nhà ông H1 đòi nợ gốc và tiền lãi, nhưng ông H1 cứ hứa nhưng không chịu trả, còn bảo vợ chồng ông muốn đi kiện thì kiện. Khi vay ông H1 có giao cho bà Luật 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 nói để làm tin, nếu ông không trả thì vợ chồng ông cứ lấy quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, ông H2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Văn H1 phải trả gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 13/3/2020 đến ngày 15/7/2020 với lãi suất theo quy định của pháp luật. Tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng ông, nên ông yêu cầu ông H1 trả nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Cao Văn H1 trả cho vợ chồng bà Trần Thị Lệ L và ông Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của bà L, buộc ông H1 phải trả lãi cho bà Luật, ông H2 từ ngày 13/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 50% của lãi suất 20%/năm, tức là 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Lệ L1 có đơn khởi kiện ông Cao Văn H1 hiện cư trú tại tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Lê L và bị đơn ông Cao Văn H1 đều thừa nhận vào ngày 06/7/2017, ông H1 có vay bà L số tiền gốc 150.000.000 đồng, hiện số tiền này chưa trả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét nội dung của hợp đồng vay tài sản: Hai bên đều thừa nhận khi vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nguyên đơn khai có thỏa thuận bằng lời nói việc tính lãi, còn bị đơn khai vay tiền không tính lãi nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có thỏa thuận tính lãi và tại phiên tòa nguyên đơn cũng thừa nhận không có chứng cứ để chứng minh nên không được chấp nhận. Đến ngày 05/03/2020, nguyên đơn đã có giấy đòi nợ là đã báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý để trả nợ. Theo quy định tại khoản 01 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi. Xét hợp đồng vay giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Xét ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi suất và ý kiến của bị đơn: Nguyên đơn khai rằng khi vay giữa hai bên có thoản thuận bằng lời nói lãi suất ban đầu là 6%/tháng, sau đó bị đơn không có tiền trả nên hai bên thống nhất hạ lãi xuống còn 3%/tháng, rồi 1%/tháng, nhưng bị đơn vẫn không trả lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/7/2020). Theo giấy đòi nợ nguyên đơn có gửi cho bị đơn vào ngày 05/03/2020, nguyên đơn đã ấn định cho bị đơn trong vòng 7 ngày để trả nợ và bị đơn cũng thừa nhận có nhận được giấy đòi nợ này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng kể từ ngày 13/03/2020, nên bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi và mức lãi suất; xét yêu cầu thay đổi về thời gian tính lãi và mức lãi suất không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ ngày 13/03/2020 đến ngày ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/7/2020) là 04 tháng 02 ngày; thành tiền 150.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng 2 ngày = 5.063.000 đồng

[3] Theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Trần Thị Lệ L sử dụng tài sản chung của vợ chồng cho ông Cao Văn H1 vay, nên buộc ông Cao Văn H1 phải trả nợ cho ông Nguyễn Thanh H2 và bà Trần Thị Lệ L.

[4] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ L; buộc ông Cao Văn H1 phải trả cho bà Trần Thị Lệ L và ông Nguyễn Thanh H2 số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 5.063.000 đồng.

[5] Về án phí: ông Cao Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà L, ông H2 là (155.063.000đồng x 5%)= 7.753.150 đồng (làm tròn 7.753.000 đồng). Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Lệ L.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 235, khoản 1 Điều 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 01 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ L. Buộc ông Cao Văn H1 phải trả cho bà Trần Thị Lệ L và ông Nguyễn Thanh H2 số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi 5.063.000 đồng. Tổng cộng 155.063.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Cao Văn H1 phải chịu 7.753.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ L số tiền tạm ứng án bà Luật đã nộp 4.912.500 đồng (bốn triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số AA/2018/0002849, ngày 27 tháng 03 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Lệ L, ông Nguyễn Thanh H2 và ông Cao Văn H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang